

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTT21BLX**

Năm học: **21-22**

Mã môn học/ Mô đun: **MH03024**

Học kỳ: **02**

Tên môn học/ Mô đun: **Cây ăn quả**

Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD		
1	21BTTT0538	Phan Văn	An	24/10/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
2	21BTTT0539	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Anh	28/10/2004				7	8	7.5				0.0	0.0	3.0
3	21BTTT0540	Nguyễn Gia	Bảo	13/09/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
4	21BTTT0541	Nguyễn Ngọc Kỳ	Duyên	06/09/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
5	21BTTT0542	Huỳnh Tiến	Đạt	29/06/2005				0	0	0				0.0	0.0	0.0
6	21BTTT0543	Nguyễn Tiến	Đạt	13/05/2006				7	8	7.5				7.0		7.2
7	21BTTT0544	Trần Thị Trúc	Hà	20/09/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
8	21BTTT0545	Mai Xuân	Hằng	11/03/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
9	21BTTT0546	Nguyễn Khả	Hân	02/02/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
10	21BTTT0547	La Hoàng Thảo	Nguyên	12/04/2005				0	0	0				0.0	0.0	0.0
11	21BTTT0548	Huỳnh Kim Uyên	Nhi	25/10/2005				0	0	0				0.0	0.0	0.0
12	21BTTT0549	Đoàn Thị Tuyết	Nhu	19/06/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
13	21BTTT0550	Đỗ Thị Hồng	Nhung	11/11/2005				0	0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTTT0551	Phạm Phú	Quý	13/09/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
15	21BTTT0552	Phan Ngọc	Tinh	28/04/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
16	21BTTT0553	Trần Thị Thảo	Trân	14/12/2006				6.5	7	7				0.0	0.0	2.8
17	21BTTT0554	Huỳnh Chí	Trọng	14/08/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0
18	21BTTT0555	Trần Ngọc	Trọng	17/11/2006				8.5	8	8				5.0		6.2
19	21BTTT0556	Lâm Chí	Vĩ	24/11/2005				7	7	7				8.0		7.6
20	21BTTT0557	Nguyễn Ngọc Như	Ý	15/05/2006				0	0	0				0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 6 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Thị Thanh Tâm